

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 15 - 7 -2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh – Phó Bí thư Huyện đoàn huyện K.

Bà Khúc Thị Minh – Cán bộ hưu trí thị trấn Núi Đồi (nguyên Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Đ).

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03 ngày 01/7/2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 30/6/2003 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Nơi ở: Tổ 4 V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1983 và bà Đào Thị H1, sinh năm 1985; chưa có chồng, nhưng đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 24/11/2003 và có 01 con chung, sinh ngày 22/01/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2021; có mặt.

2. **Nguyễn Ngọc B**, sinh ngày 24/11/2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 4 V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1973; chưa có vợ, nhưng đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thùy L, sinh ngày 30/6/2003 và 01 con chung, sinh ngày 22/01/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/3/2021; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thùy L: Ông Nguyễn Hữu T1, là bố đẻ của bị cáo L; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc B: Ông Nguyễn Ngọc D1, là bố đẻ của bị cáo B; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thùy L: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Sỹ Cải – Luật sư Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc B: Ông Bùi Văn Bình - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Sỹ Cải – Luật sư Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ 4 V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 18/01/2021, Công an xã T, huyện K kiểm tra tại khu vực sau trường Trung học phổ thông T, huyện K phát hiện thu giữ của Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Thùy L gồm 01 thùng carton, chứa 61 cuộn giấy hình trụ là pháo, tổng trọng lượng 8,65kg (ký hiệu M1); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream B kiểm soát 16F4-6303; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen; 01 điện thoại iPhone 6S Plus màu vàng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thùy L, Nguyễn Ngọc B, thu giữ 28 que gỗ có bắm dính tạp chất màu xám, một đầu que màu đỏ, khổ giấy màu trắng xám hình chữ nhật được đựng trong 03 túi nilon (ký hiệu M2); 27 túi nilon, bên trong có mảnh giấy hình chữ nhật hai mặt màu trắng, xám, kích thước 17cm x 4cm; 28 mảnh giấy hình chữ nhật, kích thước 15cm x 4,5cm.

Kết luận giám định số 40/KLGD-KTPL ngày 28/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 61 vật hình trụ tròn, vỏ ngoài bằng giấy, ở giữa có lỗ rỗng, một đầu bịt kín, trong lỗ rỗng được nhồi chặt các que gỗ tẩm chất màu xám của mẫu M1 gửi giám định có tổng khối lượng 8,65kg, đều là pháo nổ. Khi đốt pháo gây tiếng nổ; 28 que gỗ tẩm chất màu xám

của mẫu M2 gửi giám định có tổng khối lượng 0,027kg, là que hương phát sáng. Khi đốt hoặc kích thích không gây tiếng nổ, que cháy phát ra ánh sáng màu.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thùy L khai: L và B chung sống với nhau như vợ chồng tại gia đình ông Nguyễn Ngọc D1 thuộc Tổ 4 V, phường H, quận D. Ngày 08/01/2021, L thấy một số bài đăng bán pháo trên mạng xã hội Facebook nên nảy sinh ý định và rủ B cùng sản xuất pháo nổ để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, B đồng ý và cùng L học cách chế tạo pháo nổ thông qua YouTube. Sau đó L đặt mua ngòi pháo qua mạng Internet là các que pháo bông (que hương phát sáng). Ngày 10/01/2021, các ngòi pháo được giao về nhà B. L, B sử dụng các que pháo bông làm ngòi nổ rồi bọc quần giấy xung quanh tạo thành pháo nổ thành phẩm. Sau đó L sử dụng tài khoản Facebook “L Tây Nail” của mình đăng tin bán pháo nổ để tìm kiếm người mua pháo. Tối ngày 17/01/2021, tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Dương” nhắn tin cho L hỏi mua 61 quả pháo với giá 3.000.000 đồng và hẹn khoảng 20 giờ ngày hôm sau giao hàng ở khu vực xã T, huyện K; L đồng ý. Sáng ngày 18/01/2021, sau khi nhận được các que pháo bông đã đặt hàng trên mạng từ trước; L và B cùng nhau tự chế tạo 61 quả pháo nổ tại nhà. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L, B điều khiển xe mô tô B kiểm soát 16F4-6303 chở theo số pháo trên đến chỗ hẹn. B dùng điện thoại Nokia 105 liên lạc với “Nguyễn Dương” để giao hàng nhưng chưa kịp giao thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện.

Nguyễn Ngọc B khai nhận phù hợp với Nguyễn Thùy L. Ngoài ra Nguyễn Thùy L, Nguyễn Ngọc B khai nhận: Ngoài lần bán pháo nổ ngày 18/01/2021, L, B còn 02 lần khác sản xuất và bán pháo nổ cho tài khoản Facebook “Nguyễn Dương” vào các ngày 15,16/01/2021 tại xã T, huyện K, thu lợi bất chính 480.000 đồng. L, B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này.

Ông Nguyễn Ngọc D1 khai: Ông là bố đẻ của Nguyễn Ngọc B, vào thời gian năm 2018 B và Nguyễn Thùy L có tình cảm, yêu thương nhau rồi tự nguyện chung sống với nhau tại gia đình ông thuộc Tổ 4 V, phường H, quận D. Quá trình chung sống B, L đã có một con chung, sinh ngày 22/01/2000, gia đình ông đặt tên cháu là Nguyễn Ngọc Tuấn, nhưng chưa có giấy khai sinh (do B, L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn). Thời gian chung sống cùng gia đình ông; B học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên quận Hải An; L nuôi con nhỏ, nên cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của L B chủ yếu do vợ chồng ông chu cấp. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/01/2021, B hỏi mượn điện thoại Nokia 105 màu xanh đen của ông để liên lạc, nhưng không nói liên lạc với ai, việc gì. Ông đồng ý cho mượn, sau đó B hỏi mượn xe mô tô Dream B kiểm soát 16F4-6303 của ông, nhưng ông chưa giao xe cho B mà B tự ý điều khiển xe đi, không nói đi đâu. Khi Cơ quan Công an đến làm việc, ông mới biết B đã dùng chiếc điện thoại và xe mô tô của ông để liên lạc và làm

phương tiện chở pháo đi bán. Đối với việc sản xuất, mua bán pháo của B, L thì gia đình ông không biết, không tham gia.

Về vật chứng: Đối với 01 hộp giấy có dấu niêm phong số 40KTPL/PC09 chứa 7,95 kg pháo nổ - mẫu M1; 0,021 kg que phát sáng - mẫu M2 (hoàn lại sau giám định); 30 túi nilon, bên trong có mảnh giấy hình chữ nhật hai mặt màu trắng, xám, kích thước 17cm x 4cm; 28 mảnh giấy hình chữ nhật, kích thước 15cm x 4,5cm; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen, bên trong có 01 sim thu giữ của Nguyễn Ngọc B; 01 điện thoại iPhone 6S Plus màu vàng, bên trong có 01 sim thu giữ của Nguyễn Thùy L và số tiền 480.000 đồng do B tự nguyện nộp lại, đều chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ chiếc xe mô tô B kiểm soát 16F4-6303 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc D1 (bố đẻ Nguyễn Ngọc B), nhưng ông D1 không biết B sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông D1.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội có người đại diện hợp pháp của các bị cáo thống nhất như nội dung nêu trên và đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”. Ngoài ra các bị cáo khai: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không bàn bạc với ai cũng như không ai xúi giục các bị cáo. Hành vi của các bị cáo là do các bị cáo thực hiện; không ai biết, không ai tham gia giúp sức. Vì hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên các bị cáo đã sản xuất, buôn bán pháo nổ mục đích để hưởng lợi nhuận chi tiêu cá nhân. Bị cáo L đã sử dụng điện thoại iPhone 6S Plus màu vàng vào việc phạm tội; bị cáo B đã sử dụng điện thoại Nokia 105 màu xanh đen vào việc phạm tội, nhưng chiếc điện thoại này thuộc quyền sở hữu của ông D1 (bố đẻ bị cáo), B đã tự ý sử dụng điện thoại vào việc phạm tội mà ông D1 không biết. Các bị cáo chưa có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, đang nuôi con nhỏ. Đối với số tiền 480.000 đồng mà bị cáo B đã tự nguyện nộp lại tại Cơ quan điều tra là tiền chung của cả hai bị cáo. Về khối lượng 0,021 kg que phát sáng, không phải pháo nổ (hoàn lại sau giám định); 30 túi nilon, bên trong có các mảnh giấy hình chữ nhật, không còn giá trị sử dụng, các bị cáo đề nghị tiêu hủy, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc D1 khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của các bị cáo, ngoài ra ông khai: Đối với chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh đen và chiếc xe mô tô Dream B kiểm soát 16F4-6303 thuộc quyền sở hữu của ông mà B đã sử dụng vào việc phạm tội, nhưng ông không biết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông đầy đủ, ông không ý kiến gì. Nay còn lại chiếc điện thoại Nokia 105 màu

xanh đen (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý), ông đề nghị xin lại để sử dụng.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSKT, ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thùy L, Nguyễn Ngọc B về tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm ” theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 91 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy L: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B: Từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại ông Nguyễn Ngọc D1 chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh đen; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 480.000 đồng và chiếc điện thoại iPhone 6S Plus màu vàng; tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo còn lại sau giám định cùng các vật chứng khác (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý).

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Bích Liên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thùy L không tranh luận về tội danh và khung hình phạt ; đồng ý với luận tội, đề nghị của Kiểm sát viên, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L là “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo thực hiện hành vi khi đang ở độ tuổi dưới 18, độ tuổi mà đáng ra đang là học sinh của trường Trung học, nhận thức còn hạn chế, nhưng bị cáo đã chung sống với bị cáo B và sinh được một con chung, nay cháu bé mới được 16 tháng tuổi, kinh tế khó khăn, nên bị cáo đã nảy sinh ý định sản xuất pháo nổ để bán lấy tiền chi tiêu; mặt khác bị cáo thực hiện hành vi tại thời điểm cận kề Tết Nguyên đán 2021. Từ những lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Bùi Văn Bình bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc B không tranh luận về tội danh và khung hình phạt ; đồng ý với luận tội, đề nghị của Kiểm sát viên và thống nhất tương tự như quan điểm bào chữa của

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Bích Liên bào chữa cho bị cáo L, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Sỹ Cải bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thùy L và bị cáo Nguyễn Ngọc B không tranh luận về tội danh và khung hình phạt; đồng ý với luận tội, đề nghị của Kiểm sát viên, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L là “*bị cáo có cụ ngoại là Liệt sĩ*” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo ngoài xã hội, giúp các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt. Các bị cáo xin hứa không phạm tội nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính, biên bản khám xét, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ngày 18/01/2021 bị cáo Nguyễn Ngọc B và bị cáo Nguyễn Thùy L đã có hành vi thủ công làm ra 8,65 kg pháo nổ thành phẩm tại gia đình thuộc phường H, quận D, thành phố Hải Phòng và mang số pháo trên bán cho người có tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Dương” tại khu vực trường Trung học phổ thông T thuộc xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng để hưởng lợi nhuận nhưng chưa kịp giao hàng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Trọng lượng pháo mà các bị cáo đã sản xuất, buôn bán là 8,65 kg pháo nổ (trong khoảng từ 06

kilôgam đến dưới 40 kilôgam) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Như vậy các bị cáo Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thùy L đã phạm tội “ Sản xuất, buôn bán hàng cấm”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, tính chất vụ án nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hàng hóa cấm sản xuất, kinh doanh. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, nhưng cũng cần xem xét đến các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo L là người đề xuất và trực tiếp cùng bị cáo B sản xuất, buôn bán pháo nổ nên L có vai trò đầu vụ; bị cáo B trực tiếp cùng bị cáo L sản xuất, buôn bán pháo nổ, nên B có vai trò thấp hơn L.

[5] Nhân thân các bị cáo: Chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Bị cáo Nguyễn Thùy L: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc bị phát hiện đã cùng bị cáo B tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính 480.000 đồng; bị cáo có cụ ngoại là Liệt sĩ; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Không chấp nhận quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Bích Liên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; vì bị cáo khai ra nguồn pháo là tình tiết “*thành khẩn khai báo*” đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.2] Bị cáo Nguyễn Ngọc B: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc bị phát hiện đã cùng bị cáo L tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 480.000 đồng; bị cáo có ông, bà nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Bùi Văn Bình đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo không được chấp nhận; lý do, bị cáo phạm tội lần này tuy là lần đầu nhưng không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bởi lẽ căn cứ

theo quy định tại Điều 8; điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì “*Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt...từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù*”, trên thực tế người sản xuất pháo nổ và người sử dụng pháo nổ đã xảy ra tình trạng thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của con người. Như vậy hành vi sản xuất pháo nổ và hành vi bán pháo nổ của bị cáo cho người khác sử dụng được xác định là nguy hiểm, có tính chất nghiêm trọng.

[8] Sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo; lời luận tội và đề nghị của kiểm sát viên; quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khi bị cáo L ở độ tuổi 17 năm 6 tháng 19 ngày tuổi (là người dưới 18 tuổi), bị cáo B ở độ tuổi 17 năm 01 tháng 25 ngày tuổi (là người dưới 18 tuổi), nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh của các bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo B đang là học sinh, chưa có việc làm, không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình; các bị cáo có nhân thân tốt, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; mặt khác mục đích của các bị cáo bán pháo nổ để lấy tiền chi tiêu nhưng chưa bán được đã bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ là ngoài ý muốn của các bị cáo; căn cứ theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự thì hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên và những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Bích Liên đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo L ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì bị cáo L là người đề xuất, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều là người dưới 18 tuổi, không có tài sản riêng; căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô B kiểm soát 16F4-6303 mà cơ quan điều tra đã thu giữ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc D1 (bố đẻ bị cáo B), do ông D1 không biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan

điều tra đã trả lại cho ông D1 là đúng pháp luật. Đối với các vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý, gồm: Chiếc điện thoại iPhone 6S Plus thu giữ của bị cáo L, nhưng L đã sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; tuy bị cáo B đã sử dụng chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh đen vào việc phạm tội, nhưng chiếc điện thoại này thuộc quyền sở hữu của ông D1 (bỏ để bị cáo), trước khi cho B mượn điện thoại, ông D1 không biết B sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho ông D1. Ngoài ra còn có 01 hộp giấy có dấu niêm phong số 40KTPL/PC09 chứa 7,95 kg pháo nổ - mẫu M1; 0,021 kg que phát sáng - mẫu M2 (hoàn lại sau giám định); 30 túi nilon, bên trong có mảnh giấy hình chữ nhật hai mặt màu trắng, xám, kích thước 17cm x 4cm; 28 mảnh giấy hình chữ nhật, kích thước 15cm x 4,5cm; xét đây là vật cầm lưu hành và vật dụng của các bị cáo không còn giá trị sử dụng, các bị cáo đề nghị tiêu hủy, nên tịch thu tiêu hủy. Về số tiền 480.000 đồng mà các bị cáo đã nộp; xét số tiền này do các bị cáo thu lợi bất chính mà có, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Trong vụ án này, người sử dụng tài khoản facebook “Nguyễn Dương” có hành vi đặt mua pháo nổ của các bị cáo ngày 18/01/2021 và 02 lần các bị cáo bán pháo cho người này vào các ngày 15, 16/01/2021, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nên tách ra để xử lý sau là phù hợp.

[12] Đối với ông Nguyễn Ngọc D1 là chủ sở hữu xe mô tô B kiểm soát 16F4-6303, nhưng ông D1 không giao xe cho bị cáo B điều khiển và không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[13] Các bị cáo chung sống với nhau như vợ chồng và có con sinh ngày 22/01/2020. Do bị cáo B chưa đủ 18 tuổi, nên hành vi của B không cấu thành tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[14] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo B là người dưới 18 tuổi, nên người đại diện hợp pháp của bị cáo B nộp thay.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy L: 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sản xuất, buôn bán hàng cấm", thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sản xuất, buôn bán hàng cấm", thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thùy L, bị cáo Nguyễn Ngọc B cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 480.000đ (bốn trăm tám mươi nghìn đồng) và chiếc điện thoại iPhone 6S Plus, bên trong có 01 sim. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ và que pháo đã được niêm phong trong hộp giấy có dấu niêm phong số 40KTPL/PC09, bên trong chứa 7,95kg mẫu M1; 0,021kg mẫu M2 (hoàn lại sau giám định); 30 túi nilon, bên trong có mảnh giấy hình chữ nhật; 28 mảnh giấy hình chữ nhật. Trả lại ông Nguyễn Ngọc D1 chiếc điện thoại Nokia 105, bên trong có 01 sim (toàn bộ chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 0002903 ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, trong đó ông Nguyễn Ngọc D1 là người đại diện hợp pháp của bị cáo B nộp thay cho bị cáo B.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PV 06; PC 10;
- Ủy ban nhân dân phường H;
- Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu